

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-5-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung và vay nợ
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP - TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Duyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sầm Trí Đạt

Bà Hà Thúy Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Ma Văn Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và vay nợ chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nông Thị C, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Tô Thị V, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

2. Anh Nông Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Chị Nông Thị Ch, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Anh Lương Văn Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Anh Vi Xuân Ch, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Ông Lê Văn C; địa chỉ: Thôn Kh, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội – Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Cao C – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị C trình bày:

Chị Nông Thị C kết hôn với anh Hoàng Văn T từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái. Đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoàng Văn T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên không về nhà. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh Hoàng Văn T vẫn không thay đổi. Thậm chí năm 2014 anh Hoàng Văn T còn có con riêng với người phụ nữ ở thôn N, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Nay chị Nông Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 (ba) người con chung là Hoàng Thanh T, sinh ngày 19/11/2001, Hoàng Thanh L, sinh ngày 05/12/2005 và Hoàng Thanh Th, sinh ngày 25/6/2014. Hiện nay cháu Hoàng Thanh T và Hoàng Thanh L đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thanh Th và yêu cầu anh Hoàng Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi ly hôn cho đến khi cháu Hoàng Thanh Th đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nhà và đất này có nguồn gốc mua với bà Tô Thị V từ năm 2012 với giá 400.000.000 đồng, khi mua chưa làm thủ tục chuyển

nhượng quyền sử dụng đất chỉ làm giấy tờ mua bán viết tay. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên bà Tô Thị V. Ngoài ra, vợ chồng chị còn một diện tích đất khoảng 100m² ngay sát ngôi nhà ở mua với bà Tô Thị V nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ly hôn chị yêu cầu được quản lý, sử dụng nhà và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Tô Thị V, diện tích 137,2m² thuộc một phần thửa đất số 115 (ký hiệu là thửa tạm là 115.2), tờ bản đồ số 243 bản đồ địa chính xã B và sở hữu các tài sản trên phần diện tích đất này. Anh Hoàng Văn T được quản lý, sử dụng phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chị sẽ thanh toán cho anh Hoàng Văn T số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 102.422.500 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đình Lập theo 02 khế ước tổng cộng là 70.000.000 đồng. Năm 2012 khi mua nhà vợ chồng vay chị Nông Thị Ch 30.000.000 đồng, khi vay không viết giấy vay nợ. Năm 2019 khi mua xe ô tô vay anh Nông Văn T 50.000.000 đồng, khi vay không viết giấy vay nợ. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội, chị có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho chị Nông Thị Ch và Nông Văn T. Đối với các khoản nợ khác là nợ riêng của anh Hoàng Văn T, chị không được biết nên chị không đồng ý trả nợ.

Bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh với chị Nông Thị C và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đúng như chị Hoàng Thị Cử đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nông Thị C yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03(ba) người con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 19/11/2001, Hoàng Thanh L, sinh ngày 05/12/2005 và Hoàng Thanh Th, sinh ngày 25/6/2014. Hiện nay cháu Hoàng Thanh T và Hoàng Thanh L đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý để chị Nông Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thanh Th nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có nhà, đất tại Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn mua năm 2012 với bà Tô Thị V như chị Nông Thị C trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý với ý kiến của chị Nông Thị C, anh sẽ quản lý sử dụng phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là phần đất có diện tích 97,4m² thuộc một phần thửa đất số 115 (ký hiệu là thửa tạm là 115.1), tờ bản đồ số 243 bản đồ địa chính xã B và sở hữu các tài sản trên phần diện tích đất này. Chị Nông Thị C phải thanh toán cho anh số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 102.422.500 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Năm 2012 khi mua nhà vợ chồng vay chị Nông Thị Ch 30.000.000 đồng. Năm

2019 vợ chồng vay anh Nông Văn T 50.000.000 đồng để mua xe, khi vay không viết giấy vay nợ.

Ngoài ra, vợ chồng còn nợ tiền công máy xúc với ông Lương Văn Th 42.000.000 đồng, ông Vi Xuân Ch 30.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ ông Lê Văn C là 100.000.000 đồng, anh đã tự trả cho ông Lê Văn C đầy đủ.

Khi ly hôn anh sẽ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ của anh Vi Xuân Ch, anh Lương Văn Th, anh yêu cầu chị Nông Thị C có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho anh Nông Văn T, chị Nông Thị Ch và Ngân hàng chính sách xã hội.

* Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn ông Lương Cao C: Vợ chồng chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T có vay của Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn 02 khoản vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Khi vợ chồng ly hôn Ngân hàng sẽ có trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục nhận nợ theo quy định sau khi có quyết định của Tòa án.

* Ý kiến của anh Nông Văn T: Năm 2019 anh cho vợ chồng chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T vay số tiền 50.000.000 đồng để mua xe ô tô, khi vay hai bên không làm giấy tờ gì cũng không thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả nợ. Nay hai vợ chồng ly hôn anh đề nghị anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị C phải có trách nhiệm cho anh số tiền 50.000.000 đồng.

* Ý kiến của chị Nông Thị Ch: Ngày 10/3/2012 vợ chồng chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T vay chị số tiền 30.000.000 đồng để mua nhà. Do là chị em ruột nên chị đồng ý cho vay và không làm giấy vay nợ. Khi vay không thỏa thuận về lãi và thời gian trả nợ. Nay hai vợ chồng ly hôn chị yêu cầu cả hai vợ chồng chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T phải có trách nhiệm trả cho chị toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng.

* Ý kiến của anh Lương Văn Th: Năm 2019 anh Hoàng Văn T thuê máy xúc của anh để mở đường khai thác gỗ. Khi thuê hai bên không làm hợp đồng, khi làm xong hai bên chốt giờ công và số tiền tổng là 95.000.000 đồng, anh Hoàng Văn T đã trả nợ cho anh được số tiền 53.000.000 đồng. Hiện nay anh Hoàng Văn T còn nợ anh số tiền là 42.000.000 đồng. Khi hai vợ chồng ly hôn anh yêu cầu anh Hoàng Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền là 42.000.000 đồng, anh không yêu cầu trả lãi.

* Ý kiến của anh Vi Xuân Ch: Năm 2020 anh Hoàng Văn T thuê máy xúc của anh để mở đường khai thác gỗ. Khi thuê hai bên không làm hợp đồng, khi làm xong hai bên chốt giờ công là 108 giờ 20 phút, thành tiền là 60.000.000 đồng, ngày 22/7/2020 hai bên viết giấy hẹn trả tiền có anh Hoàng Văn T và anh Bé Văn Tám cùng ký tên. Anh Hoàng Văn T hẹn trả tiền vào ngày 25/7/2020, tuy nhiên đến ngày 02/8/2020 anh Hoàng Văn T mới trả được số tiền 30.000.000 đồng, đến nay anh Hoàng Văn T vẫn còn nợ anh số tiền là 30.000.000 đồng. Khi

hai vợ chồng ly hôn anh yêu cầu anh Hoàng Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền là 30.000.000 đồng, anh không yêu cầu trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 91, Điều 92; khoản 4, Điều 147; khoản 3, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33; Điều 38; Điều 39; khoản 1, Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 58; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 2, Điều 7, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình

Căn cứ Điều 213; Điều 219; Điều 220 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 24; khoản 8, Điều 26; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu Hoàng Thanh Th cho chị Nông Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Hoàng Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.720.000 đồng/tháng đến khi cháu Hoàng Thanh Th đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Nông Thị C được quyền quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất đối với phần thửa tạm 115.2, diện tích 137,2 m², anh Hoàng Văn T được quyền quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất đối với phần thửa tạm 115.1, diện tích 97,4 m². Chị Nông Thị C phải thanh toán cho anh Hoàng Văn T số tiền chênh lệch giá trị của tài sản là 102.422.518 đồng.

- Về nợ chung: Chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T phải có trách nhiệm trả tiền cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Đình Lập số tiền 70.000.000 đồng, anh Nông Văn T 50.000.000 đồng, chị Nông Thị Ch 30.000.000 đồng. Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ đối với anh Lương Văn Th và anh Vi Xuân Ch.

- Về chi phí tố tụng: Do các đương sự thuận tình ly hôn nên nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Về án phí: Do đương sự công nhận thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn mỗi người 75.000 đồng; anh Tuấn phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng; nguyên đơn chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được chia.

Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nông Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Hoàng Văn T, cư trú tại Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và vay nợ chung khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai, cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị V, ông Lê Văn C, anh Vi Xuân Ch, anh Lương Văn Th và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội nhưng trong hồ sơ thể hiện những người này đã có bản khai, biên bản lấy lời khai và xin giải quyết vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bính Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm với nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị C, anh Hoàng Văn T cũng đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị C, anh Hoàng Văn T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T có 03 (ba) con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 19/11/2001, Hoàng Thanh L, sinh ngày 05/12/2005 và Hoàng Thanh Th, sinh ngày 25/6/2014. Cháu Hoàng Thanh T và Hoàng Thanh L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xử không xem xét. Chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T thỏa thuận giao cháu Hoàng Thanh Th cho chị Nông Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con giữa hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Thanh Th nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị C yêu cầu anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng nhưng anh Hoàng Văn T không nhất trí cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định của pháp luật, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về mức cấp dưỡng nuôi con theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “... *Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con...*”. Theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, theo đó mức lương tối thiểu vùng trên địa bàn huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn thuộc vùng IV là 3.450.000 đồng/tháng. Do các đương sự không thỏa thuận được về việc cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bị đơn anh Hoàng Văn T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng là 1.725.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Hoàng Thanh Th đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương

sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T thỏa thuận, yêu cầu Tòa án ghi nhận việc chia các thửa đất và các tài sản trên đất như sau: Chị Nông Thị C được quản lý, sử dụng thửa đất số 115.2, tờ bản đồ số 243, diện tích 137,2 m² và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà ở chính; nhà vệ sinh sau nhà ở chính; bể phốt; mái lợp Fibroximăng; sân lát vỉa xi măng trước nhà ở chính. Anh Hoàng Văn T được quản lý, sử dụng thửa đất số 115.1, tờ bản đồ số 243, diện tích 97,4m² và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà bếp; mái lợp tôn chống nóng phần hành lang qua bếp và trên nhà quây tôn; nền bê tông không cốt thép. Chị Nông Thị C có trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản chênh lệch cho anh Hoàng Văn T bằng tiền mặt là 102.422.500 đồng (làm tròn số). Xét thấy việc thỏa thuận về tài sản giữa chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần công nhận sự thỏa thuận của chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T.

[7] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T không thống nhất về các khoản nợ chung và phương án trả nợ.

[7.1] Chị Nông Thị C cho rằng nợ chung của vợ chồng gồm: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đình Lập 02 (hai) khế ước tổng cộng là 70.000.000 đồng. Năm 2012 khi mua nhà vợ chồng vay chị Nông Thị Ch 30.000.000 đồng. Năm 2019 khi mua ô tô vay anh Nông Văn T 50.000.000 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội, chị có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho chị Nông Thị Ch và Nông Văn T. Đối với các khoản nợ khác là nợ riêng của anh Hoàng Văn T nên chị không đồng ý trả nợ. Anh Hoàng Văn T thừa nhận các khoản nợ gồm nợ Ngân hàng chính sách xã hội 70.000.000 đồng; nợ chị Nông Thị Ch 30.000.000 đồng; nợ anh Nông Văn T 50.000.000 đồng là nợ chung của hai vợ chồng. Ngoài ra, quá trình làm ăn anh còn nợ tiền công máy xúc với anh Lương Văn Th 42.000.000 đồng, anh Vi Xuân Ch 30.000.000 đồng, anh Lê Văn C 100.000.000 đồng. Việc anh nợ những người này chị Nông Thị C có biết do những người này đến nhà anh để đòi tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn T đã trả cho ông Lê Văn C là 100.000.000 đồng. Khi ly hôn anh sẽ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho anh Vi Xuân Ch, anh Lương Văn Th, anh yêu cầu chị Nông Thị C có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho anh Nông Văn T, chị Nông Thị Ch và Ngân hàng chính sách xã hội.

[7.2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoản nợ chung của vợ chồng chị Nông Thị C, anh Hoàng Văn T đều thừa nhận xác định gồm: Nợ ngân hàng chính sách xã hội 70.000.000 đồng; nợ chị Nông Thị Ch 30.000.000 đồng; nợ anh Nông Văn T 50.000.000 đồng. Các khoản nợ này phát sinh tại thời điểm hai vợ chồng chưa có mâu thuẫn, việc vay nợ nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Do đó cần buộc chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T mỗi người có trách nhiệm trả

$\frac{1}{2}$ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký với ngân hàng. Đối với khoản nợ anh Lương Văn Th 42.000.000 đồng và ông Vi Văn Chính 30.000.000 đồng là tiền anh Hoàng Văn T thuê máy xúc để mở đường khai thác gỗ, anh Hoàng Văn T không chứng minh được đây là khoản nợ chung của gia đình, nên anh Hoàng Văn T phải tự chịu trách nhiệm trả các khoản nợ này.

[8] Về án phí: Chị Nông Thị C là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, anh Hoàng Văn T đồng ý ly hôn nên mỗi bên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng. Anh Hoàng Văn T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng. Cụ thể: Án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản chị Nông Thị C được quản lý, sử dụng là 25.539.594 đồng. Tổng số tiền án phí chị Nông Thị C phải chịu là 25.614.594 đồng. Chị Nông Thị C đã nộp tạm ứng án phí là 18.000.000 đồng, sau khi khấu trừ chị Nông Thị C còn phải nộp tiếp 7.614.594 đồng. Án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản anh Hoàng Văn T được quản lý, sử dụng là 25.539.594 đồng. Tổng số tiền án phí anh Hoàng Văn T phải chịu là 25.914.594 đồng. Đối với án phí liên quan đến các khoản nợ chung của vợ chồng, do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên chị Nông Thị C, anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí đối với các khoản nợ trên.

[9] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 14.340.000 đồng. Do các đương sự không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng nên chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cụ thể, mỗi người phải chịu 7.170.000 đồng, chị Nông Thị C đã nộp chi phí tố tụng là 14.340.000 đồng, do đó anh Hoàng Văn T phải hoàn trả cho chị Nông Thị C 7.170.000 đồng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 60; Điều 62; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, b, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T, chị Nông Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thanh Th, sinh ngày 25/6/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Buộc anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2025) cho đến khi cháu Hoàng Thanh Th đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T như sau:

3.1. Chị Nông Thị C được quản lý, sử dụng thửa đất số 115.2, tờ bản đồ số 243, diện tích 137,2 m². Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn A4 đến A10 giáp thửa 115.1 phần diện tích anh Hoàng Văn T quản lý, sử dụng.

- Phía Đông từ đoạn A4 đến A5 giáp thửa đất số 116 của bà Hoàng Thị Thu quản lý, sử dụng.

- Phía Nam từ đoạn A5-A6-A7-A8-A9 giáp đất bà Hoàng Thị Thu quản lý, sử dụng.

- Phía Tây từ đoạn A9 đến đoạn số A10 giáp đường.

Chị Nông Thị C được sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà ở chính; nhà vệ sinh sau nhà ở chính; bể phốt; mái lợp Fibroximăng; sân lát vỉa xi măng trước nhà ở chính.

Chị Nông Thị C có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh Hoàng Văn T 102.422.500 đồng (một trăm linh hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3.2. Anh Hoàng Văn T được quản lý, sử dụng thửa đất số 152.1, tờ bản đồ số 243, diện tích 97,4 m². Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn từ A1 đến A2 giáp đất bà Tô Thị V quản lý, sử dụng.

- Phía Đông từ đoạn từ A2-A3-A4 giáp thửa đất số 116 của bà Hoàng Thị Thu quản lý, sử dụng.

- Phía Nam từ đoạn A4 đến A10 giáp thửa 115.2 phần diện tích chị Nông

Thị C quản lý, sử dụng.

- Phía Tây từ đoạn A1 đến đoạn số A10 giáp đường.

Anh Hoàng Văn T được sở hữu nhà bếp; mái lợp tôn chống nóng phần hành lang qua bếp và trên nhà quay tôn; nền bê tông không cốt thép.

(Có sơ họa kèm theo)

4. Về nợ chung:

4.1. Buộc chị Nông Thị C có trách nhiệm trả nợ cho chị Nông Thị Ch 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng); trả cho anh Nông Văn T 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng); trả Ngân hàng chính sách xã hội 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng) theo khế ước vay 6600000726663022 ngày 09/11/2023 và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong số tiền trên.

4.2. Buộc anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả nợ ông Vi Xuân Ch 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); trả nợ ông Lương Văn Th 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng); trả nợ chị Nông Thị Ch 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng); trả nợ anh Nông Văn T 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng); trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng) theo khế ước vay 6600000726663022 ngày 09/11/2023 và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo khế ước vay 6600000719310281 ngày 09/12/2020 và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Chị Nông Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng, án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng là 25.539.594 đồng. Tổng số tiền án phí chị Nông Thị C phải chịu là 25.614.594 đồng. Xác nhận chị Nông Thị C đã nộp tạm ứng án phí là 18.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002832 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ chị Nông Thị C còn phải nộp tiếp 7.614.594 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm chín tư đồng). Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng, 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 25.539.594 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản anh Hoàng Văn T được quản lý, sử dụng. Tổng số tiền án phí anh Hoàng Văn T phải chịu là 25.914.594 đồng (Hai mươi năm triệu chín trăm mười bốn nghìn năm trăm chín tư đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T mỗi người phải chịu 7.170.000 đồng (bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Chị Nông Thị C đã nộp tạm ứng 14.340.000 đồng, anh

Hoàng Văn T phải hoàn trả cho chị Nông Thị C 7.170.000 đồng (bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Duy